

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 100/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Công văn số 83-KL/TU ngày 22 tháng 12 năm 2009 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về phương án giá nước sạch giai đoạn 2010 - 2013; giảm thất thoát nước, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch, tăng cường quản lý, hạn chế khai thác nước ngầm;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn tại Công văn số 5189/TCT-HTPTKD ngày 15 tháng 12 năm 2009 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 12771/STC-BVG ngày 24 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh đơn giá nước sạch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Đối tượng sử dụng nước	Đơn giá (đồng/m ³)			
	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Các hộ dân cư:				
- Đến 4m ³ /người/tháng	4.000	4.400	4.800	5.300
- Trên 4m ³ đến 6m ³ /người/tháng	7.500	8.300	9.200	10.200
- Trên 6m ³ /người/tháng	10.000	10.500	11.000	11.400
Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể	7.100	8.100	9.300	10.300
Đơn vị sản xuất	6.700	7.400	8.200	9.600
Đơn vị kinh doanh - dịch vụ	12.000	13.500	15.200	16.900

Điều 2. Quy định đối tượng sử dụng nước

1. Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt:

- Hộ gia đình là các hộ dân sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.

- Các khu dân cư, chung cư, khu lưu trú công nhân, các cư xá, ký túc xá; các cơ sở xã hội, cơ sở chữa bệnh - cai nghiện thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.

Định mức nước sinh hoạt được xác định trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú dài hạn căn cứ theo sổ hộ khẩu và sổ tạm trú. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký định mức tại một thuê bao đồng hồ nước. Trường hợp nhiều hộ gia đình sử dụng chung một đồng hồ nước (địa chỉ trong sổ hộ khẩu thường trú khác với địa chỉ đặt đồng hồ nước) thì tính định mức các nhân khẩu sử dụng chung cho khách hàng đứng tên thuê bao đồng hồ nước.

Trường hợp người nhập cư, sinh viên và người lao động thuê nhà ở (có thời hạn thuê từ 12 tháng trở lên, căn cứ vào sổ tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của địa phương) được tính định mức theo số nhân khẩu như trên.

2. Đối tượng sử dụng nước không sinh hoạt:

a) Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể, bao gồm:

- Các đơn vị lực lượng vũ trang, công an, phòng cháy, chữa cháy.
- Bệnh viện, trường học.
- Các cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo.
- Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

b) Đơn vị sản xuất, bao gồm:

- Các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công.
- Các cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu.
- Nước phục vụ các công trình xây dựng.
- Nước sử dụng cho các hoạt động sản xuất khác.

c) Đơn vị kinh doanh - dịch vụ, bao gồm:

- Các nhà máy, cơ sở sản xuất: nước đá, kem, nước giải khát.
- Các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, các điểm kinh doanh ăn uống, giải khát.
- Các cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt ủi, các khu vui chơi giải trí.
- Các khu thương mại - dịch vụ, chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại.
- Các dịch vụ cấp nước cho ghe, tàu, thuyền.
- Các hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.

d) Đối với các đối tượng sử dụng nước phức hợp bao gồm các đối tượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh - dịch vụ:

Doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các mục đích khác nhau.

3. Đối tượng mua sỉ nước sạch:

Đối tượng mua sỉ nước sạch là những khách hàng có hệ thống ống nội bộ, mua sỉ nước sạch phân phối lại cho các đối tượng sử dụng nước khác trong hệ thống ống nội bộ, cụ thể như sau:

- Đối tượng sinh hoạt: các khu dân cư, chung cư, cư xá, ký túc xá, khu lưu trú công nhân.
- Đối tượng sản xuất: các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.
- Đối tượng kinh doanh - dịch vụ: các khu thương mại, dịch vụ, khu chợ đầu mối.

a) Đối với đối tượng mua sỉ nước sạch, giảm 10% đơn giá nước quy định tại Điều 1 Quyết định này.

b) Đối với các khách hàng mua sỉ nước sạch phân phối lại cho các đối tượng sử dụng nước phức hợp (bao gồm các đối tượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh - dịch vụ) thì doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các mục đích khác nhau.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 và thay thế Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004, Quyết định số 239/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 2004, Quyết định số 102/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; các mức đơn giá nước theo quy định tại Điều 1 Quyết định này cho năm 2011, 2012, 2013 được điều chỉnh vào ngày 01 tháng 01 mỗi năm.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các Doanh nghiệp cấp nước, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài